

## ĐA DẠNG THỰC VẬT Ở KHU DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA XÈO QUÍT, HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

• Phạm Thị Thanh Mai<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

Kết quả điều tra đã xác định được 334 loài thực vật, 243 chi, 96 họ và 59 bộ thuộc 4 ngành: Bryophyta, Polypodiophyta, Gymnospermatophyta và Angiospermatophyta ở Khu di tích Xẻo Quít, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Các taxa thuộc ngành Angiospermatophyta là đa dạng nhất và chiếm ưu thế nhất với 321 loài, 232 chi, 85 họ, 51 bộ và 2 lớp. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là: Poaceae, Fabaceae, Cyperaceae, Asteraceae, Nymphaeaceae, Rubiaceae, Araceae, Acanthaceae, Euphorbiaceae, Malvaceae. Các chi đa dạng nhất gồm: Cyperus, Nymphaea, Ficus, Rosa, Hibiscus, Bambusa, Bougainvillea, Cassia, Kalanchoe, Mimosa. Hệ thực vật có 5 dạng thân chính: cây gỗ, cây thảo, cây bụi, dây leo và cây kí sinh, trong đó dạng cây thảo chiếm ưu thế với 195 loài. Khu di tích Xẻo Quít có 4 loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng theo Sách Đỏ Việt Nam là *Drynaria fortunei*, *Cycas revoluta*, *Oryza rufipogon* và *Elaeocarpus hygrophilus*.

Từ khóa: Thành phần loài, loài, chi, họ, bộ, Khu di tích Xẻo Quít, Đồng Tháp.

### 1. Đặt vấn đề

Khu di tích lịch sử - văn hóa Xẻo Quít (gọi tắt là Khu di tích Xẻo Quít) là căn cứ cách mạng của cơ quan Tỉnh ủy Đồng Tháp lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1960-1975). Xẻo Quít có diện tích là 43,17 ha, thuộc địa bàn hai xã Mỹ Long và Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, được công nhận là di tích lịch sử quốc gia vào năm 1992.

Khu di tích Xẻo Quít có hệ sinh thái đất ngập nước nội địa đặc trưng với hệ rừng kín lá rộng thường xanh, là nơi ở, nơi kiếm ăn, nơi sinh sản cho nhiều loài chim nước và các động vật khác. Ngoài giá trị về lịch sử - văn hóa, Khu di tích Xẻo Quít còn có giá trị về mặt du lịch sinh thái, khoa học, nguồn tài nguyên thiên nhiên... Khu di tích này là một trong các địa điểm quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái đất ngập nước của tỉnh Đồng Tháp. Việc bảo tồn nguồn gen thực vật nơi đây cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ nguồn gen động vật, góp phần bảo tồn sinh cảnh, bảo tồn đa dạng sinh học và để phát triển bền vững Khu di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu này.

Trong những năm qua, địa danh Xẻo Quít được biết đến với cảnh quan đất ngập nước đặc sắc, nơi đây không những thu hút khách thập phương đến du lịch sinh thái, tham quan về nguồn... mà còn là địa chỉ được nhiều nhà khoa học đến học tập và nghiên cứu. Do đó, nhằm bảo tồn và phát triển

bền vững Khu di tích Xẻo Quít, cũng như góp phần vào việc bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và giới thực vật nói riêng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đa dạng thực vật nơi đây.

### 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật ở những khu vực được phép tham quan, nghiên cứu trong Khu di tích Xẻo Quít, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Thu thập và kế thừa có chọn lọc các tài liệu, các công trình khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để tổng hợp thông tin, vận dụng vào việc phân tích, biện luận các kết quả đạt được.

##### 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu ngoài thiên nhiên

Tiến hành khảo sát thực tế 6 đợt tại Khu di tích Xẻo Quít để thu thập, ghi nhận số liệu, quan sát, mô tả, ghi chép về tên địa phương, đặc điểm của cây và chụp ảnh mẫu.

Dụng cụ hỗ trợ gồm có kính lúp nhỏ, máy ảnh, sổ ghi chép, viết chì, bút bi.

Phương pháp và kỹ thuật thu mẫu theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (năm 2008) [9].

##### 2.2.3. Phương pháp nghiên cứu phòng thí nghiệm

Để xác định tên khoa học của các loài thực vật, chúng tôi sử dụng phương pháp hình thái so sánh và dựa vào khóa định loại của Phạm Hoàng Hộ (1999 – 2000) và có tham khảo các tài liệu sau [3], [4], [5], [6], [7], [8]:

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Đồng Tháp.

- *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 1, Phạm Hoàng Hộ (1999).

- *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 2, Phạm Hoàng Hộ (2000).

- *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 3, Phạm Hoàng Hộ (2000).

- *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 1, Võ Văn Chi và Trần Hợp (2001).

- *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 2, Võ Văn Chi và Trần Hợp (2002).

- *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam*, Võ Văn Chi (2007).

Phương pháp xây dựng danh lục: Sau khi đã xác định tên khoa học các loài thực vật thì sắp xếp vào các họ, chi theo hệ thống phân loại của R. K. Brummitt (1992) [2].

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Đa dạng về các taxa bậc lớp, họ, chi, loài

Qua điều tra về thành phần loài thực vật tại Khu di tích Xẻo Quít, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chúng tôi mới chỉ xác định được 334 loài, 243 chi, 96 họ và 59 bộ thuộc 4 ngành: Ngành Rêu (Bryophyta), Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), Ngành Hạt trần (Gymnospermatophyta) và Ngành Hạt kín (Angiospermatophyta) (Bảng 1).

**Bảng 1. Sự phân bố taxa trong các ngành**

Ngành	Lớp		Bộ		Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Bryophyta	1	20	1	1,695	1	1,04	1	0,412	1	0,30
Polypodiophyta	1	20	6	10,17	9	9,38	9	3,703	11	3,29
Gymnospermatophyta	1	20	1	1,695	1	1,04	1	0,412	1	0,30
Angiospermatophyta	2	40	51	86,44	85	88,54	232	95,473	321	96,11
<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>100</b>	<b>59</b>	<b>100</b>	<b>96</b>	<b>100</b>	<b>243</b>	<b>100</b>	<b>334</b>	<b>100</b>

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy phần lớn các taxa tập trung trong Ngành Hạt kín (Angiospermatophyta) với 321 loài (chiếm 96,11%), 232 chi (chiếm 95,473%), 85 họ (chiếm 88,54%), 51 bộ (chiếm 86,44%) và 2 lớp (chiếm 40%). Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 11 loài (chiếm 3,29%), 9 chi (chiếm 3,703%), 9 họ (chiếm 9,38%), 6 bộ (chiếm 10,17%) và 1 lớp (chiếm 20%). Ngành Rêu (Bryophyta) và Ngành Hạt trần

(Gymnospermatophyta) chiếm tỉ lệ rất nhỏ, chỉ có 1 loài (chiếm 0,30%), 1 chi (chiếm 0,412%), 1 họ (chiếm 1,04%), 1 bộ (chiếm 1,695%) và 1 lớp (chiếm 20%).

#### 3.1.1. Đa dạng bậc lớp

Sự phân bố các taxa trong lớp thuộc 4 ngành: Rêu (Bryophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Hạt trần (Gymnospermatophyta) và Hạt kín (Angiospermatophyta) cũng khác nhau (Bảng 2).

**Bảng 2. Sự phân bố các taxa lớp trong các ngành**

Tên ngành	Tên lớp	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Bryophyta	Bryopsida	1	1,04	1	0,412	1	0,30
Polypodiophyta	Polypodiopsida	9	9,38	9	3,703	11	3,29
Gymnospermatophyta	Cycadopsida	1	1,04	1	0,412	1	0,30
Angiospermatophyta	Dicotyledonae	65	67,71	153	62,963	217	64,97
	Monocotyledonae	20	20,83	79	32,510	104	31,14
<b>Tổng</b>		<b>96</b>	<b>100</b>	<b>243</b>	<b>100</b>	<b>334</b>	<b>100</b>

Như vậy, từ Bảng 2 cho thấy lớp Hai lá mầm (Dicotyledonae) có số lượng taxa ở các bậc là đa dạng nhất và chiếm ưu thế nhất (với 217 loài, 153 chi và 65 họ) so với lớp Một lá mầm (104 loài, 79

chi và 20 họ). Lớp Dương xỉ (Polypodiopsida) có số taxa là 11 loài, 9 chi và 9 họ. Lớp Rêu (Bryopsida) và lớp Tuế (Cycadopsida) là hai lớp kém đa dạng nhất (1 loài, 1 chi, 1 họ).

### 3.1.2. Đa dạng bậc họ

Số loài điều tra được là 334 loài phân bố trong 96 họ. Tuy nhiên, sự phân bố số loài trong các họ không đồng đều (Bảng 3).

**Bảng 3. Các họ đa dạng nhất của hệ thực vật Khu di tích Xẻo Quít**

TT	Họ	Số loài	Tỉ lệ %
1	Poaceae	36	10,77
2	Fabaceae	22	6,59
3	Cyperaceae	20	5,99
4	Asteraceae	16	4,79
5	Nymphaeaceae	12	3,59
6	Rubiaceae	12	3,59
7	Araceae	10	2,99
8	Acanthaceae	9	2,70
9	Euphorbiaceae	9	2,70
10	Malvaceae	9	2,70
	<b>Tổng</b>	<b>155</b>	<b>46,41</b>

Số liệu từ Bảng 3 cho thấy với 10 họ đa dạng nhất (có từ 9 – 36 loài) với tổng số loài là 155 loài (chiếm 46,41%). Họ có nhiều loài nhất là họ Lúa (Poaceae) với 36 loài (chiếm 10,77%); thứ hai là họ Đậu (Fabaceae) với 22 loài (chiếm 6,59%); thứ ba là họ Cói (Cyperaceae) với 20 loài (chiếm 5,99%); thứ tư là họ Cúc (Asteraceae) với 16 loài (chiếm 4,79%); thứ năm gồm 2 họ có 12 loài (chiếm 3,59%) là họ Súng (Nymphaeaceae) và họ Cà phê (Rubiaceae); thứ sáu là họ Ráy (Araceae) với 10 loài (chiếm 2,99%); thứ bảy gồm 3 họ có 9 loài (chiếm 2,70%) là họ Ô rô (Acanthaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) và họ Bông (Malvaceae).

### 3.1.3. Đa dạng bậc chi

**Bảng 4. Các chi đa dạng nhất trong hệ thực vật Khu di tích Xẻo Quít**

TT	Chi	Họ	Số loài	Tỉ lệ %
1	<i>Cyperus</i>	Cyperaceae	12	3,59
2	<i>Nymphaea</i>	Nymphaeaceae	11	3,29
3	<i>Ficus</i>	Moraceae	6	1,79
4	<i>Rosa</i>	Rosaceae	6	1,79
5	<i>Hibiscus</i>	Malvaceae	5	1,50
6	<i>Bambusa</i>	Poaceae	5	1,50
7	<i>Bougainvillea</i>	Nyctaginaceae	4	1,20
8	<i>Cassia</i>	Fabaceae	4	1,20
9	<i>Kalanchoe</i>	Crassulaceae	4	1,20
10	<i>Mimosa</i>	Fabaceae	4	1,20
	<b>Tổng</b>		<b>61</b>	<b>18,26</b>

Trong số 243 chi thực vật thống kê được tại Khu di tích Xẻo Quít thì có 10 chi đa dạng nhất (có từ 4 - 12 loài) chiếm 3,29% với 61 loài chiếm 18,26%. Kết quả được thể hiện qua Bảng 4.

Từ bảng trên cho thấy chi đa dạng nhất là chi *Cyperus* (12 loài, chiếm 3,59%), xếp thứ hai là chi *Nymphaea* (11 loài, chiếm 3,29%), xếp thứ ba là hai chi: *Ficus*, *Rosa* (6 loài, chiếm 1,79%), thứ tư là hai chi: *Hibiscus*, *Bambusa* (5 loài, chiếm 1,50%) và xếp thứ năm là 4 chi: *Bougainvillea*, *Cassia*, *Kalanchoe*, *Mimosa* (4 loài, chiếm 1,20%).

### 3.2. Đa dạng về dạng thân

Hệ thực vật ở Khu di tích Xẻo Quít có 5 dạng thân chính như sau: Cây gỗ, cây thảo, cây bụi, dây leo và cây kí sinh, số liệu được ghi nhận ở Bảng 5.

**Bảng 5. Dạng thân các loài thực vật đã xác định ở Khu di tích Xẻo Quít**

Dạng sống	Cây gỗ	Cây thảo	Cây bụi	Dây leo	Cây kí sinh	Tổng
Số lượng loài	72	195	40	25	2	334
Tỉ lệ %	21,55	58,38	11,98	7,49	0,60	100

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy:

- Nhóm cây có nhiều loài nhất là cây thân thảo với 195 loài (chiếm 58,38%).
- Dạng gỗ gồm 72 loài chiếm tỉ lệ là 21,55%.
- Dạng cây bụi với 40 loài chiếm tỉ lệ là 11,98%.
- Dạng dây leo có 25 loài chiếm tỉ lệ là 7,49%.
- Cuối cùng là dạng kí sinh với 2 loài chiếm tỉ lệ là 0,60%.

Như vậy, dạng thân chính trong Khu di tích Xẻo Quít là dạng cây thân thảo chiếm 58,38%, kế đến là dạng gỗ chiếm 21,55%.

### 3.3. Đa dạng về giá trị tài nguyên thực vật

#### 3.3.1. Đa dạng về giá trị sử dụng

**Bảng 6. Giá trị sử dụng của thực vật ở Khu di tích Xẻo Quít**

TT	Công dụng	Số loài	Tỉ lệ %
1	Nhóm cây làm thuốc	163	48,80
2	Nhóm cây làm cảnh	122	36,53
3	Nhóm cây làm rau	63	18,86
4	Nhóm cây làm phân xanh, cải tạo đất	24	7,19
5	Nhóm cây cho quả	20	5,99

(Ghi chú: Chúng tôi không đánh giá nhóm cây cho quả, củ vì Khu di tích Xẻo Quít cấm khai thác gỗ, củi).

- *Nhóm cây làm thuốc*: có 163 loài có giá trị làm thuốc chiếm 48,80% tổng số loài điều tra được trong Khu di tích Xẻo Quít, trong đó có các loài như Rau bợ, Dừa cạn, Lục lạc, Lá lốt, Nhân lồng... Đây là các loài được người dân địa phương sử dụng để chữa các bệnh như sỏi thận, cao huyết áp, bệnh về gan, bệnh về gân cốt và dùng giải nhiệt, chữa bệnh mất ngủ.



Hình 1. Cốt toái bổ



Hình 2. Lúa ma



Hình 3. Cà na

- *Nhóm cây làm cảnh*: có 122 loài chiếm 36,53% tổng số loài được ghi nhận nơi đây. Những loài làm cảnh chủ yếu như: các loài Sen, các loài Súng, các cây họ Cúc, các cây họ Trúc đào...

- *Nhóm cây làm rau*: có 63 loài chiếm 18,86% tổng số loài của khu vực nghiên cứu, trong đó nhiều cây rau hoang dại được người dân địa phương ưa chuộng dùng trong bữa cơm gia đình đồng thời cũng là bài thuốc dân gian chữa các bệnh thông thường như Dền com, Rau dệu, Thuốc giòi, Rau má, Nhân lồng...

- *Nhóm cây làm phân xanh và cải tạo đất*: có 24 loài chiếm 7,19% tổng số loài, gồm các cây như Keo tai tượng, Diên điền, Lục lạc, Cỏ hoàng lạc, Cỏ lào...

- *Nhóm cây cho quả*: có 20 loài chiếm 5,99% tổng số loài, đó là: Cà na, Trâm, Bình bát, Mận...

### 3.3.2. Giá trị về nguồn gen quý hiếm

Theo Sách đỏ Việt Nam (2007) [1], trong tổng số 334 loài thực vật được ghi nhận thì có 1 loài thực vật quý hiếm (chiếm 0,30%) được xếp vào danh mục loài cần được bảo tồn ở cấp độ “Nguy cấp – EN” là Cốt toái bổ (*Drynaria fortunei* (G. Kunze) J.Sm.), loài cây này có thân rễ dùng làm thuốc chữa đau lưng, đau xương khớp, bong gân và ngã bị tụ máu, do bị khai thác quá mức, trữ lượng còn ít, tái sinh chậm, cần được bảo vệ và nhân giống để bảo tồn nguồn gen; 1 loài (chiếm 0,30%) thuộc nhóm “IIA – Hạn chế khai thác vì mục đích thương mại” được trồng làm cảnh trong Khu di tích Xẻo Quít là Vạn tuế (*Cycas revoluta* Thunb.) (theo Nghị định 32/2006) và 2 loài (chiếm 0,60%) được xếp vào danh mục loài cần được bảo tồn ở cấp độ “Sẽ nguy cấp – VU” là Lúa ma (*Oryza rufipogon* Griff.), loài này mất dần ngoài tự nhiên do môi trường sống thay đổi; Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz), đây là loài bị khai thác nhiều để lấy quả làm mứt, ô mai và lấy gỗ sử dụng.

### 3.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài thực vật ở Khu di tích Xẻo Quít rất đa dạng và phong phú với 334 loài, góp phần quan trọng trong việc hình thành các kiểu thảm thực vật tiêu biểu cho vùng đất ngập nước ở Đồng bằng sông Cửu Long, tham gia trực tiếp vào việc chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xử lý nguồn nước ô nhiễm, chống xói lở và đặc biệt là đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho địa phương qua phát triển du lịch sinh thái.

Trong số các loài thực vật thông kê được ở khu vực nghiên cứu thì có Mai dương (*Mimosa pigra* L.), Lục bình (*Eichhornia crassipes* (Mart.) Solms) và Trâm ôi (*Lantana camara* L.) là 3 loài thực vật đáng quan tâm nhất. Đây là 3 loài thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại các thực vật khác mà hiện nay được xem là mối đe dọa cho các hệ sinh thái đất ngập nước nói riêng, môi trường sinh thái nói chung nên cần sớm có biện pháp phòng trừ trước khi chúng bùng phát mạnh như nhiều nơi khác. Đối với cây Trâm ôi hiện đang được trồng làm cảnh, loài này thích nghi với mọi môi trường sống, phát triển rất nhanh đồng thời gây cản trở nghiêm trọng đến sự tái sinh tự nhiên của một số loài thực vật khác nên cần cân nhắc có sử dụng như cây trang trí hay là tiêu diệt chúng. Bên cạnh đó còn có 2 loài thực vật kí sinh là Dây tơ hồng (*Cuscuta hydrophilae* H. W. Pearson) và Tầm gửi (*Scurrula parasitica* L.) có nguy cơ phát triển mạnh, lấn át các cây gỗ nơi đây.

Hình 4.  
Mai dươngHình 5.  
Lục bìnhHình 6.  
Trâm ôi

#### 4. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu ở Khu di tích Xẻo Quít, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Thành phần loài thực vật thống kê được là 334 loài, 243 chi, 96 họ và 59 bộ thuộc 4 ngành: Ngành Rêu (Bryophyta), Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), Ngành Hạt trần (Gymnospermatophyta) và Ngành Hạt kín (Angiospermatophyta). Các taxa bậc loài, chi, họ, bộ thuộc Ngành Hạt kín (Angiospermatophyta) là đa dạng nhất với 321 loài (chiếm 96,11%), 232 chi (chiếm 95,473%), 85 họ (chiếm 88,54%), 51 bộ (chiếm 86,44%) và 2 lớp (chiếm 40%).

- Trong các lớp thì lớp Hai lá mầm (Dicotyledonae) có số lượng các taxa chiếm ưu thế nhất với 217 loài, 153 chi và 65 họ. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là: Poaceae,

Fabaceae, Cyperaceae, Asteraceae, Nymphaeaceae, Rubiaceae, Araceae... Các chi đa dạng nhất gồm: *Cyperus*, *Nymphaea*, *Ficus*, *Rosa*, *Hibiscus*, *Bambusa*...

- Hệ thực vật nơi đây có 5 dạng thân chính: cây gỗ, cây thảo, cây bụi, dây leo và cây kí sinh, trong đó dạng cây thảo chiếm ưu thế với 195 loài (58,38%), dạng cây gỗ 72 loài (21,55%), dạng cây bụi 40 loài (11,98%), dây leo 25 loài (7,49%) và dạng kí sinh có 2 loài (0,60%).

- Giá trị sử dụng của thực vật được chia làm 5 nhóm chính: nhóm cây làm thuốc, nhóm cây làm cảnh, nhóm cây làm rau, nhóm cây làm phân xanh, cải tạo đất và nhóm cây cho quả.

- Đã xác định được 4 loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) là Cốt toái bồ, Vạn tuế, Lúa ma và Cà na./.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007), *Sách đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
- [2]. Brummitt R. K. (1992), *Vascular Plant families and genera*, Royal Botanic Gardens, Kew.
- [3]. Võ Văn Chi, Trần Hợp (2001), *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục.
- [4]. Võ Văn Chi, Trần Hợp (2002), *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục.
- [5]. Võ Văn Chi (2007), *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [6]. Phạm Hoàng Hộ (1999), *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 1, NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [7]. Phạm Hoàng Hộ (2000), *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 2, NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Phạm Hoàng Hộ (2000), *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 3, NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [9]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### FLORAL DIVERSITY IN THE HISTORICAL-NATURAL RELIC SITE OF XEO QUIT IN CAO LANH DISTRICT, DONG THAP PROVINCE

#### Summary

The survey result has identified 334 plants species belonging to 243 genera, 96 families and 59 orders in 4 divisions: Bryophyta, Polypodiophyta, Gymnospermatophyta and Angiospermatophyta in Xeo Quit Relic, Cao Lanh district, Dong Thap province. The taxa of Angiospermatophyta are the most diversified and dominant with 321 species, 232 genera, 85 families, 51 orders and 2 classes. Those families with most species are *Poaceae*, *Fabaceae*, *Cyperaceae*, *Asteraceae*, *Nymphaeaceae*, *Rubiaceae*, *Araceae*, *Acanthaceae*, *Euphorbiaceae*, *Malvaceae*. Meanwhile, the genera with most diversified species are *Cyperus*, *Nymphaea*, *Ficus*, *Rosa*, *Hibiscus*, *Bambusa*, *Bougainvillea*, *Cassia*, *Kalanchoe*, *Mimosa*. The flora has 5 main types of trees: woody plants, herbs, shrubs, vines and parasitic plants, of which herbaceous plants are dominant with 195 species. Xeo Quit Relic accommodates 4 endangered species listed in Vietnam Red Book, namely *Drynaria fortunei*, *Cycas revoluta*, *Oryza rufipogon* and *Elaeocarpus hygrophilus*.

Keywords: Species composition, species, genera, families, orders, Xeo Quit Relic, Dong Thap.

Ngày nhận bài: 08/2/2017; Ngày nhận lại: 15/03/2017; Ngày duyệt đăng: 21/3/2017.